

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2025/DS-ST

Ngày: 22/9/2025.

V/v tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dứt; Bà Phạm Xuân Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1952, CCCD 089052001865; Nơi cư trú: số B ấp M, xã L, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Ngọc T, sinh năm 1989, địa chỉ: khóm A, xã H, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Cẩm T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp S, xã C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.3. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Có mặt.

3.4. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.5. Ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1985; CCCD 089085027447; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.6. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp A, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.8. Ông Nguyễn Bá R, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.9. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.10. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Huỳnh Văn P3 trình bày:*

Ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 là vợ chồng, bà H2 (chết), lúc còn sống ông bà được nhà nước công nhận diện tích đất gồm 2485,0m<sup>2</sup> và diện tích, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 số vào sổ CH01943 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 03/8/2012 cho hộ ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2. Đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện do ông P đang quản lý sử dụng từ trước đến nay. Vợ ông bà Lê Thị H2 chết không để lại di chúc, nay ông có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, 06 người con đồng ý ký tên chỉ có con Huỳnh Thị Bích N không thống nhất ký tên dẫn đến phát sinh tranh chấp. Nay yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất gồm 2485,0m<sup>2</sup> và diện tích, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 số vào sổ CH01943 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 03/8/2012 cho hộ ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2, chia thành 8 phần bằng nhau, yêu cầu nhận bằng hiện vật, đồng thời hoàn lại ký phần cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị Cẩm T1, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn P1, bà Huỳnh Thị H1, ông Nguyễn Bá R, ông Nguyễn Văn P2, ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do và không gợi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:* ông có nhận chuyển nhượng của ông P phần đất diện tích 2.485m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L hiện nay; với giá là 100.000.000 đồng/ 1 công 1.000m<sup>2</sup>; đất do ông P đứng tên quyền sử dụng đất; đã giao số tiền 30.000.000 đồng để đặt cọc chuyển nhượng khi nào làm thủ tục sang tên xong thì sẽ giao đủ tiền và tôi đã nhận đất và trồng xoài như hiện nay. Trong vụ án chia thừa kế này ông không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông với ông P để chúng tôi tự thương lượng với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà H2 chết hàng thừa kế thứ nhất của gồm ông Huỳnh Văn P và có 07 người con gồm: Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N. Bà H2 chết không để lại di chúc. Ông P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các đồng thừa kế còn lại không có ý kiến ý. Bà H2 và ông P cùng đứng tên diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 đã được Tòa án thẩm định và thể hiện bằng Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 ngày 17/6/2025 thì đây là tài sản chung của ông P và bà H2. Nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn P.

Ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng diện tích 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) ngày 17/6/2025 (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 16, 5, 6, 7, 8, 9, 13) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 đất tọa lạc tại xã L, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn Phương diện T3 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) ngày 17/6/2025 (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 16, 5, 6, 7, 8, 9, 13) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 đất tọa lạc tại xã L, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N mỗi người 15.531.250 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà H2. Đây là tranh chấp về thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Di sản là bất động sản tọa lạc tại xã L, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

*[2]. Về nội dung*

2.1. Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Về thời điểm mở thừa kế bà Lê Thị H2 chết năm 2017. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...” thì yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H2 còn trong thời hiệu khởi kiện.

2.2. Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất bà Lê Thị H2 chết 2017 không để lại di chúc và có chồng là Huỳnh Văn P và có 07 người con gồm: Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N.

2.3. Về di sản thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định di sản bà H2 để lại là diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2.

2.4. Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cụ thể như sau:

Qua đo đạc thực tế diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C1 ngày 17/6/2025 như sau:

Diện tích thứ nhất 1.048m<sup>2</sup> (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 9, 18 thuộc thửa 52, tờ 30) và diện tích thứ hai 1.437m<sup>2</sup> (tại các điểm 9, 4, 16, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa 51, tờ 30) hiện do ông Nguyễn Thanh T2 đang trồng xoài.

Các điểm 13, 1, 19, 18, có diện tích 1,6m<sup>2</sup> là phần đất thuộc thửa 4 tờ 30 của ông Nguyễn Bá R.

Các điểm 5, 12, 6 có diện tích 0,8m<sup>2</sup> là phần đất thuộc thửa 109 của ông Nguyễn Văn B.

Các điểm 3, 5, 16, 4, 20 có diện tích 27,6m<sup>2</sup> là phần đất thuộc thửa 50 tờ 30 của ông Nguyễn Văn P2.

2.5. Về chứng cứ: Nguyên đơn xuất trình bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2; văn bản cam kết không bỏ sót hàng thừa kế và kết quả đo đạc thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở để Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết.

2.6. Xét thấy, về hàng thừa kế và di sản thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà H2 gồm ông Huỳnh Văn P và có 07 người con gồm: Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N. Ngoài những người thuộc hàng thừa kế nêu trên thì bà H2 không còn hàng thừa kế nào khác. Bà H2 chết không để lại di chúc. Ông P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật các đồng thừa kế còn lại không có ý kiến ý. Xét thấy, diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 đã được Tòa án thẩm định và thể hiện bằng Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 ngày 17/6/2025 thì đây là tài sản chung của ông P và bà H2. Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 việc ông P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp nghĩa nên chấp nhận.

2.7. Về trị giá di sản: diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa qua định giá có giá là 73.000/m<sup>2</sup>; tuy nhiên giá thị trường mà ông P thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T2 giá 100.000đồng/m<sup>2</sup>. Để đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế nghĩa nên căn cứ vào giá thị trường chuyển nhượng để đảm bảo quyền lợi cho các bên; diện tích 2.485m<sup>2</sup> : 2 = 1.242,5m<sup>2</sup> x giá đất 100.000đ/m<sup>2</sup> = 124.250.000đ đồng.

2.8. Xét thấy, diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> sau khi bà H2 chết ông P quản lý sử dụng sau đó mới chuyển nhượng cho ông T2. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh T2 với ông P các bên không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Vì vậy nghĩa nên giao phần đất này cho ông P tiếp tục sử dụng ông P có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần cho các đồng thừa kế khác cụ thể: diện tích đất 2.485m<sup>2</sup> tài sản này 1/2 là của ông P, 1/2 còn lại của bà H2 sẽ được xem xét chia trị giá cụ thể: 2.485m<sup>2</sup> : 2 = 1.242,5m<sup>2</sup> x giá đất 100.000đ/m<sup>2</sup> = 124.250.000đ đồng chia làm 8 phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 15.531.250 đồng. Ông P có nghĩa vụ hoàn lại cho Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N mỗi người 15.531.250 đồng.

2.9. Đối với ông Nguyễn Thanh T2 là người nhận chuyển nhượng diện tích 2.485m<sup>2</sup> và đang canh tác diện tích đất nói trên và không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng đất trong vụ án này, nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, do ông T2 đang quản lý đất vì vậy nghĩa nên buộc ông T2 có nghĩa vụ giao lại cho ông Phương diện T3 đất nói trên.

2.10. Đối với các diện tích đất của ông Nguyễn Bá R, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn P2 Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, các ông R, B, P2 không gửi ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến; nếu các bên có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

3. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn tự nguyện chịu đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự phải chịu án phí theo kỷ phần được hưởng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 156, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 613, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn P.

Ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng diện tích 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) ngày 17/6/2025 (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 16, 5, 6, 7, 8, 9, 13) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 đất tọa lạc tại xã L, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ giao trả cho ông Huỳnh Văn Phương diện T3 2.485m<sup>2</sup> loại đất lúa, thuộc thửa đất số 51, 52, tờ bản đồ số 30 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) ngày 17/6/2025 (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 16, 5, 6, 7, 8, 9, 13) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01943 ngày 3/8/2012 cho ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị H2 đất tọa lạc tại xã L, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ hoàn lại kỷ phần thừa kế cho Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N mỗi người 15.531.250 đồng.

Ông Huỳnh Văn P có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục hành chính về đất đai theo qui định của pháp luật về đất đai.

Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C1 ngày 17/6/2025 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã C) là một phần không thể tách rời của bản án.

*Chi phí tố tụng:* nguyên đơn tự nguyện chịu đã nộp xong.

*Án phí DSST:* Huỳnh Thị Cẩm T1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị H1 và Huỳnh Thị Bích N mỗi người phải chịu là 776.500 đồng.

Ông Huỳnh Văn P được miễn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**